

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/HSST
Ngày 12/4 /2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Phạm Thị Thơm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lộc Thị Vinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:* Ông Lục Văn Đông – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 58/2017/HSST ngày 28/12/2017 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HS ngày 15/01/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần H**, sinh năm: 1994 tại Đăk Lăk; Nơi ĐKNKTT: Thôn 02, xã E, TP.B, tỉnh Đăk Lăk; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Trần N; sinh năm: 1949; Con bà: Cao Thị L (đã chết); Vợ: Lê Thị Thu H, sinh năm 1994 (vợ cùng bị cáo trong vụ án) và 02 (hai) con, con lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ 7 tháng tuổi. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N, tỉnh Khánh Hòa về một vụ án khác (có mặt).

2. Họ và tên: **Lê Thị Thu H**; sinh năm: 1994 tại Đăk Lăk; Nơi ĐKNKTT: Thôn 02, xã E, Thành phố B, tỉnh Đăk Lăk; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Con ông: Lê Văn T, sinh năm: 1968; Con bà: Lê Thị T, sinh năm 1974; Chồng: Trần H, sinh năm 1994 (cùng bị cáo trong vụ án) và 02 con lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất 07 tháng tuổi; Bị cáo hiện đang tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của công an huyện C (có mặt).

- Người bị hại: Công ty tài chính TNHH MTV H (Công ty H)

Địa chỉ: Tầng G8 và 10 Tòa nhà P, số 20 đường G, Phường T, Quận X, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: ông B- chức vụ : tổng giám đốc.

- Đại diện theo ủy quyền: ông Trịnh Minh Q; trú tại Hẻm 79/2 đường N, Phường P, Thành phố P, tỉnh Gia Lai (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Linh A; trú tại Thôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk (vắng mặt)

- Người làm chứng:

1) Bà Lại Thị H; trú tại: Thôn 09, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông(vắng mặt)

2) Ông Lê Văn;trú tại: Thôn 01, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông(vắng mặt)

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 02/2017, bị cáo Trần H đến một cửa hàng cầm đồ mua giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Dương Linh A về bàn bạc với vợ là Lê Thị Thu H sẽ thay hình của Lê Thị Thu H làm giả giấy chứng minh nhân dân và các giấy tờ gốc. Đến cửa hàng thế giới di động tại thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông để mua điện thoại di động có dịch vụ trả góp, nhằm chiếm đoạt số tiền mà Công ty Tài chính TNHH Một thành Viên H(Công ty H). Đến ngày 24 tháng 02 năm 2017, bị cáo Trần H điều khiển xe mô tô BKS 47B1 – 677.93 chở Lê Thị Thu H đến cửa hàng thế giới di động tại số 317 Nguyễn Tất Thành, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Trần H ngồi ngoài quán cà phê, giữ mảnh giấy ghi thông tin giả về Dương Linh A và hai số điện thoại 0919528124, 0946365625 để khi nhân viên Công ty H gọi điện thoại xác minh thì sẽ giả làm người nhà (cha ruột tên là Võ Văn S và anh ruột tên là Dương Nam A). Trong lúc đó, Lê Thị Thu H vào trong cửa hàng và chọn mua 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J7 với giá tiền là 6.290.000đ (sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng), Lê Thị Thu H trả trước số tiền 1.887.000đ (một triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng), Lê Thị Thu H làm hợp đồng trả góp với Công ty Home Credit với số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) cam kết trả trong thời hạn từ ngày 24/02/2017 đến 24/06/2017 và mỗi tháng trả 1.138.000đ (một triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng). Sau đó, Trần H và Lê Thị Thu H đã bán điện thoại cho một người (chưa rõ nhân thân, lai lịch) còn lại 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) Trần H và Lê Thị Thu H chiếm đoạt không trả cho Công ty Tài chính TNHH Một thành Viên H (Công ty H).

Vật chứng gồm:01 (một) cái kéo dài 17 cm, có phần cán bằng nhựa màu đỏ, phần lưỡi bằng kim loại;

- 01 (một) mảnh giấy vở học sinh, một mặt ghi bằng mực màu đỏ ghi thông tin Dương Linh A, mặt còn lại ghi thông tin Bé Văn H bằng mực màu đỏ và đen;

- 03 (ba) tờ giấy A4 ghi nội dung đề nghị vay vốn mang tên Dương Linh A;

- 02 (hai) miếng nhựa được dùng để ép Plastic Chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe đã bị cắt xung quanh;

- 05 tấm ảnh kích thước 01x 02 cm của bị cáo Lê Thị Thu H.

Bản cáo trạng số: 01/CTr-VKS ngày 26/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố các bị cáo Trần H và Lê Thị Thu H về tội Lừa đảo chiếm

đoạt tài sản, theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 đã sửa đổi bổ sung năm 2009.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo Trần H và Lê Thị Thu H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Trần H và Lê Thị Thu H như bản cáo trạng số: 01/CTr-VKS ngày 26/12/2017. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần H và Lê Thị Thu H phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s,b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị tuyên phạt các bị cáo Trần H và Lê Thị Thu H mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cái kéo dài 17 cm, có phần cán bằng nhựa màu đỏ, phần lưỡi bằng kim loại, 02 (hai) miếng nhựa được dùng để ép Plastic Chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe đã bị cắt xung quanh;

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc gia đình các bị cáo Trần H và Lê Thị Thu H đã bồi thường cho Công ty H số tiền 5.202.000đ (năm triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng).

Tại phiên tòa các bị cáo không bào chữa, các bị cáo đều khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố là đúng, không oan, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Quá trình tiến hành tố tụng của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi của các bị cáo: Các bị cáo Trần H và Lê Thị Thu H đã có hành vi mua giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Dương Linh A, dán hình bị cáo Lê Thị Thu H làm giả giấy chứng minh nhân dân tên bị cáo Lê Thị Thu H, đến ngày 24 tháng 02 năm 2017 đến cửa hàng thế giới di động tại số 317 Nguyễn Tất Thành, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông, mua 01 (một) điện

thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J7 với giá tiền là 6.290.000đ (sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng), hình thức trả góp các bị cáo trả trước 1.887.000đ. Sau đó các bị cáo bán điện thoại di động còn lại số tiền 4.500.000đ các bị cáo chiếm đoạt Công ty Tài chính TNHH Một thành Viên H (Công ty H).

Lời khai nhận của các bị cáo Trần H và Lê Thị Thu H phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp, của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo biết được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, mà các bị cáo cố tình thực hiện. Như vậy, các bị cáo Trần H và Lê Thị Thu H đã đủ căn cứ quy kết phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Điều 139 Bộ luật hình sự quy định:

“1/ Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Do vậy, các bị cáo cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Xét tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng, hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm giản đơn, các bị cáo có mối quan hệ là vợ chồng, cùng nhau bàn bạc thống nhất thực hiện hành vi phạm tội, nhưng cũng cần phải cá thể hóa hình phạt cho tương xứng phù hợp với hành vi của mỗi bị cáo.

Đối với bị cáo Trần H là người trực tiếp đi mua giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe ở hiệu cầm đồ mang tên Dương Linh A. Sau đó, về bàn bạc với bị cáo Lê Thị Thu H làm giả giấy chứng minh nhân dân trên các giấy tờ, bị cáo dùng xe máy chở bị cáo Lê Thị Thu H đến cửa hàng thế giới di động tại số 317 Nguyễn Tất Thành, thị trấn E, bị cáo Trần H ngồi ngoài quán cà phê, giữ mảnh giấy ghi thông tin giả về Dương Linh A và hai số điện thoại di động để khi nhân viên Công ty H gọi điện thoại xác minh thì sẽ giả làm người nhà cha ruột và anh ruột (tên là Dương Nam A) khi bị cáo Lê Thị Thu H mua điện thoại di động trả góp Công ty H, hình thức trả góp về bán điện thoại di động chiếm đoạt của Công ty H số tiền 4.500.000đ.

Đối với bị cáo Lê Thị Thu H, khi bị cáo Trần H mua giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe ở hiệu cầm đồ về bàn bạc cùng bị cáo làm giả giấy chứng

minh nhân dân tên bị cáo Lê Thị Thu H mục đích lừa đảo lấy tiền tiêu xài liền đồng ý ngay khi đến cửa hàng thế giới di động tại số 317 Nguyễn Tất Thành, thị trấn E, bị cáo là người trực tiếp vào trong cửa hàng và chọn mua 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J7 với giá tiền là 6.290.000đ (sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng), Lê Thị Thu H trả trước số tiền 1.887.000đ (một triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng), hình thức trả góp với Công ty H với số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng), cam kết trả trong thời hạn từ ngày 24/02/2017 đến 24/06/2017 và mỗi tháng trả 1.138.000đ, nhưng không trả mà các bị cáo chiếm đoạt luôn số tiền 4.500.000đ tiêu xài cá nhân. Xét cần áp dụng mức hình phạt bị cáo Trần H cao hơn bị cáo Lê Thị Thu H. Mặt khác, xét về nhân thân của các bị cáo: tại bản án số 84/HSST ngày 04/04/2018 của Tòa án nhân dân TP N, tỉnh Khánh Hòa, xử phạt bị cáo Trần H 01 năm 03 tháng tù, bị cáo Lê Thị Thu H 01 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Trần H 02 năm tù, bị cáo Lê Thị Thu H 01 năm 06 tháng tù của bản án số 04/2018/HSST ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân thị xã N về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Buộc Bị cáo Trần H phải chấp hành chung 03 năm 03 tháng tù, bị cáo Lê Thị Thu H chấp hành chung 02 năm 06 tháng tù, bản án của Tòa án nhân dân TP N, tỉnh Khánh Hòa xét xử ngày 04/4/2018 bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Do vậy, hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt. Điều này cho thấy hành vi các bị cáo rất liều lĩnh, xét cần áp dụng các bị cáo hình phạt cho nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định thì mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Gia đình các bị cáo đã bồi thường cho Công ty H số tiền 5.202.000đ (năm triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng). Công ty H có đơn xin bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về vật chứng: 01 (một) cái kéo dài 17 cm, có phần cán bằng nhựa màu đỏ, phần lưỡi bằng kim loại, 02 (hai) miếng nhựa được dùng để ép Plastic Chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe đã bị cắt xung quanh không có giá trị sử dụng nên áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô BKS 47 B1 -67793 các bị cáo Trần H và Lê Thị Thu H sử dụng làm phương tiện để thực hiện hàng vi phạm tội, bị cáo Lê Thị Thu H đã bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch, nên không thu giữ được.

Đối với cửa hàng cầm đồ mà bị cáo Trần H đã mua giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe nhưng chưa xác định địa chỉ cụ thể, khi nào xác định được nếu có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc gia đình các bị cáo Trần H và Lê Thị Thu H đã bồi thường cho Công ty H số tiền 5.202.000đ (năm triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng), Công ty H không yêu cầu gì nên không đề cập.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần H và Lê Thị Thu H phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s,b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Trần H 01(một) năm tù , thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Thu H 09(chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

*** Về xử lý vật chứng:**

Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm c khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cái kéo dài 17 cm, có phần cán bằng nhựa màu đỏ, phần lưỡi bằng kim loại, 02 (hai) miếng nhựa được dùng để ép Plastic Chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe đã bị cắt xung quanh.

(Đặc điểm các vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 01 năm 2018 giữa cơ quan Công an huyện C và Chi cục thi hành án dân sự huyện C).

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc gia đình Trần H và Lê Thị Thu H đã bồi thường cho Công ty H số tiền 5.202.000đ (năm triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng). Công ty H không yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

* Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần H và Lê Thị Thu H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- *Quyền kháng cáo:* Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định là 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan